TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 31/2021/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 23 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 15/6/2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 128/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:***

1. **Trương Thị Thu V**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Bến Tre.

2. **Nguyễn Hồng D**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Bến Tre.

3. **Ngô Thị H**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Bến Tre.

4. **Huỳnh Thị Ngọc L**, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc Như Y**, sinh năm: 1992 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền của bà V, bà D, bà H, bà L.

+ ***Bị đơn:*** **Trần Thị Phương T**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Trần Thị Phương L có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Thu V số tiền hụi còn nợ là 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*).

2. 2. Chị Trần Thị Phương L có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc L số tiền hụi còn nợ là 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*).

2. 3. Chị Trần Thị Phương L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hồng D số tiền hụi còn nợ là 70.000.000 đồng (*Bảy chục triệu đồng*).

2. 4. Chị Trần Thị Phương L có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị H số tiền hụi còn nợ là

106.000.000 đồng (*Một trăm lẻ sáu triệu đồng*).

Thời gian và phương thức trả các đương sự thống nhất thỏa thuận tại Cơ quan thi hành án.

Ghi nhận bà V, bà H, bà D, bà L không yêu cầu tính lãi số tiền trên đến ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận bà V, bà H, bà D, bà L và chị L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Thành L và anh Nguyễn Thành X có trách nhiệm cùng chị L liên đới trả nợ cho bà V, bà H, bà D, bà L.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà V, bà H, bà D, bà L nếu chị L chưa trả số tiền trên thì hàng tháng chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. 5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Chị Trần Thị Phương L tự nguyện chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Trương Thị Thu V và bà Huỳnh Thị Ngọc L là 1.800.000 đồng *(Một triệu tám trăm nghìn đồng)*.

- Chị Trần Thị Phương L phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Nguyễn Hồng D và bà Ngô Thị H là 2.200.000 đồng *(Hai triệu hai trăm nghìn đồng)*.

- Bà Trương Thị Thu V được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng *(Chín trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004880 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng *(Chín trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004881 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Hồng D và bà Ngô Thị H được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng